



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ **International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietsiam.com.vn Website: www.ifcvietsiam.com.vn

Số: 125.03/2016/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Thành viên hãng **agn International** / Member Firm of **agn International**

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.





Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 29 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.851.650.064	27.235.451.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.063.706.683	5.834.000.218
1. Tiền	111		1.016.297.161	2.134.000.218
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.047.409.522	3.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.220.460.572	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	9.220.460.572	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.936.544.776	5.550.181.666
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		72.000.000	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.301.164.600	512.300.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	5.267.233.326	5.037.881.666
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.744.909.801)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.056.651	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	10.538.721.596	15.504.869.085
1. Hàng tồn kho	141		10.538.721.596	15.504.869.085
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.216.437	346.400.061
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	92.216.437	346.400.061
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.022.190.725	108.048.867.759
I. Tài sản cố định	220		82.278.603.670	100.649.281.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	81.858.603.670	100.229.281.726
- Nguyên giá	222		350.603.575.145	348.708.480.442
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.744.971.475)	(248.479.198.716)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	420.000.000	420.000.000
- Nguyên giá	228		926.400.000	926.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(506.400.000)	(506.400.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.575.132	41.472.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.575.132	41.472.182
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.500.011.923	7.358.113.851
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	5.500.011.923	7.358.113.851
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.873.840.789	135.284.318.789

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.889.049.274	60.513.626.659
I. Nợ ngắn hạn	310		21.516.337.274	39.220.031.659
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		499.946.983	4.178.796.217
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	15.288.915.255	31.846.306.988
3. Phải trả người lao động	314		3.574.514.100	2.411.440.480
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.302.975.570	140.219.070
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.277.174.226	628.395.644
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(427.188.860)	14.873.260
II. Nợ dài hạn	330		20.372.712.000	21.293.595.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.10	18.785.098.000	19.557.781.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.587.614.000	1.735.814.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.984.791.515	74.770.692.130
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	86.984.791.515	74.770.692.130
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.507.770.716	20.110.037.933
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.726.352.340	4.897.732.783
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.726.352.340	4.897.732.783
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		213.604.299	225.857.254
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.873.840.789	135.284.318.789

Đào Thị Xuyên
Người lập biểu
Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng



Doãn Văn Quang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	216.752.685.663	198.358.419.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.290.908	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	216.744.394.755	198.358.419.615
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	160.069.400.080	156.070.040.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.674.994.675	42.288.379.488
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	784.661.327	317.930.368
7. Chi phí tài chính	22		68.612.200	329.751.671
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.612.200	329.751.671
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	23.139.128.184	26.609.092.928
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	14.261.203.312	9.933.092.306
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.990.712.306	5.734.372.951
10. Thu nhập khác	31		2.531.710.565	1.742.748.048
11. Chi phí khác	32		1.060.940.001	1.011.823.759
12. Lợi nhuận khác	40		1.470.770.564	730.924.289
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.461.482.870	6.465.297.240
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	4.721.526.231	1.541.707.203
15. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.739.956.639	4.923.590.037
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		16.726.352.340	4.897.732.783
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		13.604.299	25.857.254
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	5.575	1.633

Đào Thị Xuyên
Người lập biểu
Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Quang
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	21.461.482.870	6.465.297.240
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	22.531.814.199	22.833.850.922
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(722.600.133)	(621.112.186)
Chi phí lãi vay	06	68.612.200	329.751.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.339.309.136	29.007.787.647
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.613.636.890	61.124.593
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.964.436.944	308.372.744
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(21.308.715.964)	(6.638.313.446)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.112.285.552	2.868.761.559
Tiền lãi vay đã trả	14	(68.612.200)	(329.751.671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.541.707.203)	(1.453.972.334)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.183.487.250
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(442.062.120)	(445.117.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.668.571.035	25.562.378.582
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(4.442.405.743)	(2.485.011.676)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	18.816.001	303.181.818
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(9.220.460.572)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	784.661.327	308.805.732
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.859.388.987)	(1.873.024.126)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	150.800.000	13.947.400.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(299.000.000)	(19.760.891.350)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.431.275.583)	(14.336.882.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.579.475.583)	(20.150.373.720)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	11.229.706.465	3.538.980.736
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.834.000.218	2.295.019.482
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.063.706.683	5.834.000.218



Đào Thị Xuyên
Người lập biểu

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 03 năm 2016



Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng




Đoàn Văn Quang
Tổng Giám đốc